

Số: 46/2022/QĐST-HNGĐ

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”*

K, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 185/2021/TLST-HNGĐ, ngày 30/11/2021, giữa:

Nguyên đơn: chị Đỗ Thị N, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Xóm 11, Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chỗ ở hiện nay: Thôn 8, xã Đ, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: anh Phạm Viết C, sinh năm 1981; nơi cư trú: Xóm 11, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 55; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** chị Đỗ Thị N và anh Phạm Viết C.
- 2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**
 - *Về con chung:* chị Đỗ Thị N và anh Phạm Viết C xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Phạm Quang H, sinh ngày 14/7/2008; cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 06/9/2011 và cháu Phạm Quang H, sinh ngày 21/6/2013. Khi ly hôn chị N và anh C thỏa thuận giao con chung là cháu Phạm Thị Thu H1, sinh ngày 06/9/2011 cho

chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung là cháu Phạm Quang H, sinh ngày 14/7/2008 và cháu Phạm Quang H, sinh ngày 21/6/2013 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị N, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; chị N, anh C có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con. Khi cần thiết các bên có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- *Về án phí*: chị Đỗ Thị N và anh Phạm Viết C thỏa thuận chị N nộp toàn bộ tiền án phí thuận tình ly hôn số tiền là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004461, ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Trả lại cho chị Đỗ Thị N số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1);
- VKSND huyện K (2);
- CCTHADS huyện K(1);
- UBND xã Đ, TP. T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng